TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2024/DS-PT
Ngày 01-8-2024
"V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán:Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Bà Phùng Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Nhật Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 246/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số C ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thanh L, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Số B đường N, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Địa chỉ liên hệ: Số A ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phạm Thị Thanh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2023 của nguyên đơn, cùng những lời trình bày như sau:

Vào ngày 30/4/2021, bà P là chủ hụi có mở dây hụi 3.000.000 đồng gồm 25 người (hụi viên). Trong đó, bà L tham gia 01 phần hụi. Quá trình chơi hụi, bà

L chỉ đóng được 09 tháng hụi sống và ngưng không đóng hụi. Từ tháng thứ 10 đến tháng thứ 17 thì bà P có choàng hụi cho bà L tổng cộng là 08 tháng. Bà L hốt hụi ở tháng thứ 18, sau khi tính toán trừ vào các khoản bà đóng hụi dùm bà L, tiền nợ và trừ tiền đầu khảo thì bà đưa cho bà L số tiền hốt hụi là (17 phần x 3.000.000 đồng) + (07 phần x 2.400.000 đồng) = 67.800.000 đồng - 1.500.000 đồng tiền thảo hụi – 2.200.000 đồng bà L nợ bà P = 64.100.000 đồng và bà L có ký xác nhận. Như vậy, bà L còn phải đóng lại 07 tháng hụi chết, mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng. Bà L chỉ đóng được 03 tháng; còn lại 04 tháng bà L không đóng. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà L phải trả cho bà số tiền nợ hụi 04 tháng x 3.000.000 đồng là 12.000.000 đồng.

Bị đơn là bà Phạm Thị Thanh L có lời trình bày: Vào ngày 30/04/2021, bà L có tham gia chơi 01 phần hụi do bà Nguyễn Thị P làm chủ. Hụi chơi gồm 25 người. Bà L đã góp được 19 lần thì hốt hụi. Hụi chơi 3.000.000 đồng (hụi sống đóng 2.400.000 đồng, hụi chết đóng 3.000.000 đồng). Số tiền hốt hụi là: 19 phần chết đóng 3.000.000 đồng là 57.000.000 đồng + 05 phần sống đóng 2.400.000 đồng là 12.000.000 đồng. Tổng cộng là 69.000.000 đồng, trừ thảo 1.500.000 đồng thì số tiền bà P phải giao cho bà L là 67.500.000 đồng nhưng bà P1 chỉ giao cho bà có 64.100.000 đồng là còn thiếu 3.400.000 đồng. Nên bà L còn có nghĩa vụ góp cho bà P 05 lần hụi chết mỗi lần, tổng là 15.000.000 đồng, sau đó bà L đóng cho bà P được 03 lần là 9.000.000 đồng và 01 lần 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 11.000.000 đồng. Nên bà L còn thiếu lại 02 lần góp hụi chết là 6.000.000 đồng và cấn trừ số tiền bà L góp dư 2.000.000 đồng và 3.400.000 đồng tiền giao hụi thiếu nên bà L chỉ còn nợ bà P là 600.000 đồng. Do vậy, bà P khởi kiện yêu cầu bà phải trả tiền nợ hụi cho bà P với số tiền 12.000.000 là không đúng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà P. Bà L chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền nợ hụi là 600.000 đồng.

Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An đã căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Họ, hụi, biêu, phường; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc "Tranh chấp hụi" đối với bà Phạm Thị Thanh L.

Buộc bà Phạm Thị Thanh L phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ hụi là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Buộc bà Phạm Thị Thanh L phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị P đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009277 ngày 28/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, bị đơn bà L kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đồng ý trả cho bà P số tiền còn nợ là 600.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và xác định đồng ý trả cho bà L số tiền 6.000.000 đồng.

Nguyên đơn bà P trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà L, xác định không có việc bà giao tiền hụi cho bà L còn thiếu lại 3.200.000 đồng cũng như không có việc trả dư 2.000.000 đồng, bà L hốt hụi lần thứ 18, sau khi tính toán trừ vào khác khoản bà đóng hụi dùm bà L, tiền nợ và trừ tiền đầu khảo thì bà đưa cho bà L số tiền hốt hụi là (17 phần x 3.000.000 đồng) + (07 phần x 2.400.000 đồng) = 67.800.000 đồng – 1.500.000 đồng tiền thảo hụi – 2.200.000 đồng bà L nợ bà P = 64.100.000 đồng và bà L có ký xác nhận. Như vậy, bà L còn phải đóng lại 07 tháng chết, mỗi tháng đóng 3.000.000 đồng. Bà L chỉ mới đóng được 03 tháng; còn lại 04 tháng bà L không chịu đóng. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà L phải trả cho bà số tiền nợ hụi 04 tháng x 3.000.000 đồng là 12.000.000 đồng.

Bị đơn bà L có lời trình bày: Bà đã góp hụi chỉ còn nợ 6.000.000 đồng. Bà yêu cầu hai bên thỏa thuận và đồng ý trả cho bà P số tiền 6.000.000 đồng.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, 276, 279, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Bà L đồng ý trả cho bà P số tiền 6.000.000 đồng. Căn cứ vào sổ hụi do bà P theo dõi thể hiện bà L hốt hụi lần thứ 18, như vậy bà L có nghĩa vụ góp lại 07 kỳ, bà L đã góp 03 kỳ còn lại 04 kỳ. Bà L trình bày đã góp dư 2.000.000 đồng và bà L giao tiền hụi còn nợ 3.200.000 đồng nhưng bà P

không thừa nhận và bà L không có căn cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên kháng cáo không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà L kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn về một phần Bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo thấy rằng:

[3.1] Bà P yêu cầu bà L trả số tiền góp hụi còn nợ 04 phần là 12.000.000 đồng. Tài liệu chứng minh là danh sách hụi viên do bà P theo dõi, bà L hốt hụi số tiền 64.100.000 đồng có ký tên nhận. Bà L chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền còn nợ 600.000 đồng vì bà L trình bày bà hốt hụi lần thứ 20, góp được 19 lần nên số tiền hốt hụi là 67.500.000 đồng, bà P giao 64.100.000 đồng là thiếu 3.400.000 đồng, bà L còn nợ 05 phần hụi chết đã góp được 03 lần là 9.000.000 đồng và 01 lần 2.000.000 đồng. Bà L chỉ còn nợ 02 phần hụi là 6.000.000 đồng cấn trừ số tiền bà L góp dư 2.000.000 đồng và 3.400.000 đồng giao hụi thiếu nên bà L xác định chỉ còn nợ 600.000 đồng.

[3.2] Các bên thừa nhận thống nhất dây hụi mệnh giá 3.000.000 đồng khui ngày 30/4/2021 do bà P làm chủ, thống nhất số hụi viên tham gia là 25 người, thống nhất số tiền hụi bà L hốt có ký nhận là 64.100.000 đồng. Các bên trình bày không thống nhất về thời gian bà L hốt hụi, bà P trình bày bà L hốt lần thứ 18, bà L trình bày hốt lần thứ 20. Các bên không thống nhất về số tiền hụi bà P choàng cho bà L và số tiền nợ hụi chết.

[3.3] Nhận thấy, bà P giao hụi cho bà L đồng ý ký nhận số tiền 64.100.000 đồng không thể hiện việc bà P giao tiền hụi còn thiếu bà L 3.400.000 đồng. Bà P tính số lượng hụi viên đã góp 17 phần x 3.000.000 đồng + 7 phần x 2.4000.000 đồng ra số tiền hụi bà L hốt là 67.800.000 đồng – 1.500.000 đồng cho tiền thảo hụi ra số tiền phải giao cho bà L 64.100.000 đồng là phù hợp. Bà L không có căn cứ chứng minh bà đã góp 19 lần và hốt hụi lần thứ 20 nên không có căn cứ xác định bà P còn nợ tiền hụi 3.400.000 đồng. Như vậy, bà L còn có nghĩa vụ góp 07 lần hụi chết, bà P trình bày bà L đã góp được 03 lần phù hợp với lời trình bày của bà L. Việc bà L có góp 2.000.000 đồng bà P không thừa nhận, bà L không chứng minh được nên không có căn cứ để chấp nhận. Nên bà P khởi kiện yêu cầu bà L trả tiền hụi còn nợ 4 tháng x 3.000.000 đồng = 12.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn bà L phải chịu 300.000 đồng. Bà L có đơn xin miễn án phí phúc thẩm vì thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại điểm điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên cần xem xét miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Thanh L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2024/DS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về Họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P về việc "Tranh chấp hụi" đối với bà Phạm Thị Thanh L.

Buộc bà Phạm Thị Thanh L phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền nợ hụi là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Thanh L phải chịu 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị P không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009277 ngày 28/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Thanh L được miễn nộp.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyền